

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K
TỈNH HÒA BÌNH**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày 07/6/2021

(Về việc: Tranh chấp hôn nhân và
gia đình)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thím

Ông Bùi Thanh Nông

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Thuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/3/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Y, sinh năm 1999

Bị đơn: Anh Quách N, sinh năm 1996

Đều có ĐKKHKT tại: Xóm Má Mư, xã C, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Quách N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 20/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Hòa Bình đúng quy định của pháp luật nhưng không tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Khi đăng ký kết hôn thì anh chị đã có thai con chung là Quách Bảo L. Do hoàn cảnh gia đình anh N quá khó khăn, bố mẹ anh N đều đã mất từ khi anh còn nhỏ, cả anh N và chị Y đều không có công việc ổn định nên cuộc sống hôn nhân gặp rất nhiều khó khăn. Sau khi đăng ký kết hôn, hai vợ chồng cùng chung sống tại nhà anh N phải cùng nhau khắc phục. Tuy nhiên, sau khi sinh con đầu lòng được khoảng 3 - 4 tháng thì anh N để vợ con ở nhà cho chị Y tự lo và đi làm ăn xa nhưng không gửi tiền về cho chị nuôi con. Do không có tiền sinh sống

chị Y về nhà mẹ đẻ tại xóm N, xã C, huyện K, tỉnh Hòa Bình, nhờ bà ngoại trông con để chị đi làm. Kể từ đó, anh N cũng không quan tâm, không hỏi thăm, không gửi tiền về cho chị Y, chị phải một mình nuôi con cho đến nay. Thời gian ly thân anh N đã ra Hà Nội làm việc nhưng công việc không đều nên thỉnh thoảng vẫn về nhà tại xóm Má Mư, xã C, huyện K và chờ việc. Chị đã nhiều lần nói chuyện, thuyết phục anh N tạo điều kiện, phối hợp cùng chị giải quyết việc ly hôn để sớm tách khẩu cho con về bên nhà ngoại cho con được đi học trường công lập đúng tuyến cho đỡ tốn kém, do chi phí đi nhà trẻ tư thục cao hơn trường công lập, nhưng anh N đều từ chối và nói không ly hôn, cũng không có tiền nuôi con, bỏ mặc hai mẹ con. Anh N cho rằng vì hoàn cảnh anh quá nghèo nếu ly hôn sau này sẽ không thể lấy được vợ nên anh N không muốn ly hôn. Tuy không muốn ly hôn nhưng anh N cũng không quan tâm đến vợ dù chỉ là tình cảm, còn với con thì chị được biết nhiều lần anh về nhà nhưng cũng không ghé vào nhà ngoại thăm con, duy nhất 1 lần gửi qua hàng xóm cho con 1 bộ quần áo. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không tồn tại nên chị kiên quyết đề nghị Tòa án xem xét cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị Y và anh N có một con chung là Quách Bảo L, sinh ngày 25/5/2017. Từ khi sinh ra cho đến nay con luôn ở với chị, hiện tại hai mẹ con chị đang ở tại nhà mẹ đẻ của chị tại xóm N, xã C, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con. Chị chưa yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh N muốn thăm con chị tạo điều kiện, không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về công nợ: Chị Y xác nhận vợ chồng chị không vay nợ ai, không có tài sản cho ai vay.

Về án phí: Chị Bùi Thị Y tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn dân sự sơ thẩm.

Bị đơn (Anh Quách N) mặc dù Tòa án thông báo, niêm yết thông báo phiên hòa giải nhiều lần, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo bản tự khai anh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Y đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 20/6/2017 trên cơ sở tự nguyện. Do hoàn cảnh gia đình anh N nghèo, anh mồ côi cha mẹ từ nhỏ, không có tiền tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Quá trình tìm hiểu trước khi đăng ký kết hôn thì chị Y có thai cháu Quách Bảo L. Sau khi kết hôn, do muốn có tiền lo cho gia đình nên anh đi làm ăn xa nhà. Tuy nhiên, anh N đi làm lương thấp, chỉ đủ nuôi bản thân, không có tiền gửi về cho vợ nuôi con chứ anh không vô trách nhiệm với con. Khi anh đi làm ăn xa nhà được khoảng 6 đến 7 tháng thì được biết chị Y đưa con về nhà ngoại ở cho đến nay không chịu về ở nhà anh nữa. Chị Y không còn tình cảm với anh nhưng anh còn

tình cảm với chị Y và đề nghị Tòa án xem xét cho anh và chị Y được đoàn tụ. Anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh N xác nhận vợ chồng anh có một con chung là Quách Bảo L, sinh ngày 25/5/2017. Do công việc anh thu nhập không đảm bảo, lại thường xuyên đi làm ăn xa nhà nên nếu Tòa án giải quyết chấp nhận cho chị Y ly hôn với anh thì anh đề nghị chị Y trực tiếp nuôi con. Anh chưa thể cấp dưỡng nuôi con vì chưa có thu nhập đảm bảo thực hiện nghĩa vụ.

Về tài sản chung: Anh N khai anh và chị Y không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh và chị Y không nợ ai, không cho ai vay, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về công nợ chung.

Về án phí: Anh đề nghị chị Y chịu toàn bộ án phí ly hôn.

** Kiểm sát viên – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn quá trình Tòa án triệu tập tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã vắng mặt hai lần mặc dù được Tòa án thông báo hợp lệ. Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không hợp tác. Do bị đơn cố ý vắng mặt, không tuân thủ quy định của pháp luật nên Tòa án đã hoãn xét xử 1 lần và tiếp tục đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Y đối với anh Quách N. Về con chung: giao cháu Quách Bảo L, sinh ngày 25/5/2017 cho chị Bùi Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Chị Y chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh N. Về tài sản chung và công nợ chung, anh N và chị Y xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí, chị Bùi Thị Y tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn, theo quy định của pháp luật cần chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Chị Bùi Thị Y khởi kiện vụ án về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” đối với bị đơn là anh Quách N, có hộ khẩu thường trú tại xóm Má Mư, xã C, huyện K, tỉnh Hòa Bình nên việc Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đều tuân thủ quy định của pháp luật, có mặt đầy đủ khi được triệu tập, thông báo. Bị đơn mặc dù được thông báo tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, hoàn toàn có đủ cơ sở để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*** Về nội dung:**

Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị Y và anh Quách N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 20/ 6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Hòa Bình đúng quy định của pháp luật.

Trên cơ sở các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện vợ chồng anh chị trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn, thiếu sự sẻ chia, quan tâm đến nhau. Mặc dù Tòa án đã vận động anh N đến Tòa án để hòa giải, anh N không muốn ly hôn nhưng cũng không tuân thủ quy định của pháp luật, hai lần liên tiếp không đến Tòa án giải quyết, né tránh khi cán bộ Tòa án yêu cầu nhận văn bản tố tụng. Chị Y kiên quyết xin ly hôn do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân nhiều năm. Mặc dù anh N có nguyện vọng đoàn tụ, nhưng từ chối không tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên không thể tiến hành hòa giải.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Y và anh N là trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Y xin ly hôn anh N đủ căn cứ, nguyện vọng chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Cần chấp nhận yêu cầu của chị Y về việc ly hôn.

Về con chung:

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhận thấy, con là Quách Bảo L tại thời điểm giải quyết vụ án dưới 7 tuổi. Quá trình xác minh nhận thấy mâu thuẫn gia đình xuất phát từ nguyên nhân do kinh tế khó khăn và không có sự quan tâm của vợ chồng. Bản thân anh N do công việc, thu nhập không ổn định và không đảm bảo nên không thực hiện nghĩa vụ của người cha: không đáp ứng những nhu cầu vật chất tối thiểu cho chị Y nuôi con cũng không thực hiện nghĩa vụ thăm nom con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh N nhiều lần không tuân thủ pháp luật, không có mặt theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, chị Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng con là Quách Bảo L, tại bản tự khai anh N cũng đề nghị nếu ly hôn chị Y nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con là Quách Bảo L, sinh ngày 25/5/2017 cho chị Bùi Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án là đảm bảo quyền và lợi ích của các bên đương sự. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Y chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị đều xác nhận không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về công nợ chung: Anh chị khai không nợ ai, không ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị Y tự nguyện nộp toàn bộ án phí 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; 39; khoản 4 Điều 147; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 53; 56; 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Y đối với anh Quách N. Chị Bùi Thị Y được ly hôn với anh Quách N.

2. Về con chung:

Giao cháu Quách Bảo L, sinh ngày 25/5/2017 cho chị Bùi Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

Anh Quách N có nghĩa vụ, quyền thăm nom đối với con chung mình không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Quách N cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Xác nhận chị Y và anh N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Y phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Bùi Thị Y đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005271 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hòa Bình, nay chuyển thành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Quách N được quyền kháng cáo trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Thị Đà Giang